VIÊM TỤY CẤP

1. Chỉ số Calci trong viêm tụy cấp theo Thang điểm Ranson là:
2. <2 mmol/l
3. >5 mmol/l
4. <=2 mmol/l
5. <=2,5 mmol/l
6. Biến chứng nào sau đây phải mổ cấp cứu VTC:
7. Áp xe tụy
8. Nang giả tụy
9. Chảy máu trong ổ bụng
10. Viêm tấy lan tỏa tuyến tụy
11. Xử trí VTC do sỏi:
12. Điều trị nội khoa
13. Mổ cấp cứu
14. ERCP
15. .
16. Phân biệt viêm tụy cấp với tắc ruột trên X quang:
17. Mức nước hơi
18. Quai ruột nổi.
20. Chẩn đoán CLS viêm tụy cấp khi: Đ/S
21. Đường máu tăng
22. Bil tăng
23. Số lượng Bạch cầu tăng
24. SA tụy to, có ổ hoại tử nhu mô tụy
25. Chụp CT tụy to, có ổ hoại tử nhu mô tụy
26. Chẩn đoán lâm sàng VTC khi:Đ/S
27. Đau trên rốn liên tục
28. Điểm sườn lưng đau
29. Diện đục trước gan mất
30. Co cứng thành bụng
31. Dấu hiệu rắn bò
32. Điều trị bệnh nhân viêm tụy cấp bằng thuốc giảm đau:
33. Dolargan
34. Amimazin
35. Procain nhỏ giọt tĩnh mạch
36. Morphin tiêm bắp
37. Tổn thương VTC thể hoại tử chảy máu là: Đ/S
38. Cấu trúc tụy không bị phá hủy
39. Tụy to, có đám hoại tử chảy máu
40. Cấu trúc tụy bị phá hủy
41. Tụy phù nề sung huyết
42. Chẩn đoán cận lâm sàng VTC khi: Đ/S
43. Số lượng bạch cầu tăng
44. Amylase máu, niệu tăng
45. Bilirubin máu tăng
47. Tư vấn cho BN VTC ra viện: Đ/S
48. Thinh thoảng uống một ít rượu bia
49. Không cần ăn uống điều độ
50. Tuyệt đối không uống bia rượu
51. Tẩy giun định kì 6 tháng/1 lần
52. BN VTC điều trị bằng:
53. Trung hòa HCl
54. Ức chế bài tiết dịch tụy
55. Diệt HP
56. Băng bó niêm mạc dạ dày
57. Dấu hiệu sinh hóa thường sử dụng để tiên lượng VTC lúc vào viện theo Ranson là:
58. LDH > 350 U/l
59. LDH >250 U/L
60. LDH < 250 U/L
61. LDH < 350 U/L
62. Dấu hiệu lâm sàng của VTC nặng:
63. Vàng da vàng mắt
64. Sốc
65. Sốt >=39 độ
66. BN vật vã, kích thích
67. Dấu hiệu lâm sàng để tiên lượng bệnh nhân lúc vào viện, Ranson:
68. Tuổi
69. Giới
70. Bệnh phối hợp
71. Nghề nghiệp